

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30-7-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chí C; đăng ký thường trú: Thôn N, xã V, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Số A đường T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M; nơi cư trú: Thôn N, xã V, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là anh Nguyễn Chí C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố Hải Phòng) vào ngày 18/11/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là

do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là Nguyễn Chiến T, sinh ngày 18/9/2009 và Nguyễn Chí P, sinh ngày 16/8/2013, hiện cả 02 con chung đang sinh sống cùng chị M. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cả 02 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như nội dung anh Công trình B là đúng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Chí C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Chiến T, sinh ngày 18/9/2009 và Nguyễn Chí P, sinh ngày 16/8/2013, hiện cả 02 con chung đang sinh sống cùng chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hải Phòng xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho anh Nguyễn Chí C được ly hôn chị Nguyễn Thị M; về con chung: Giao cả 02 con chung là Nguyễn Chiến T, sinh ngày 18/9/2009 và Nguyễn Chí P, sinh ngày 16/8/2013 cho chị M

trực tiếp nuôi dưỡng, anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 8/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Anh C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Nguyễn Chí C có đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị M có nơi cư trú tại xã V, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hải Phòng; Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hải Phòng giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí C và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố Hải Phòng) vào ngày 18/11/2008. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh C và chị M đều xác nhận vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C xin ly hôn, chị M cũng đồng ý ly hôn với anh C. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành, qua xác minh tại địa phương xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị M như nội dung anh C, chị M trình bày là đúng từ đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Chí C xin ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

[4] Về con chung: Anh C và chị M đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Chiến T, sinh ngày 18/9/2009 và Nguyễn Chí P, sinh ngày 16/8/2013,

hiện đang sinh sống cùng chị M. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh C đồng ý giao cả 02 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung của anh C và chị M đều đã trên 07 tuổi, hiện đang sinh sống cùng chị M và đều có nguyện vọng được ở cùng chị M. Chị M có việc làm, có thu nhập ổn định cùng với việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh C. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao 02 con chung Nguyễn Chiến T và Nguyễn Chí P cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 8/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị M không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh C phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Chí C được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Chiến T, sinh ngày 18/9/2009 và Nguyễn Chí P, sinh ngày 16/8/2013 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Chí C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung với mức 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng kể từ tháng 8/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, không xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh C đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0009637 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Hải Phòng). Anh C còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Công và chị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 7 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Lạc Phượng, thành phố Hải Phòng;
- Dương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh